|  |  |
| --- | --- |
|  **UBND HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS TRUNG MẦU** **Đề 01** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN SINH HỌC 9****NĂM HỌC 2019-2020**Thời gian làm bài : 60 phút |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Các mức độ cần đánh giá** | **Tổng số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** **cơ bản** | **Vận dụng****ở mức cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1.** Sinh học 8 | Số câu | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 |  |
| Điểm | 0,5 |  | 0,5 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |
| 2. Các TN của Menden | Số câu | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| Điểm | 0,5 |  |  |  |  |  |  |  |  | 0,5 |
| 3. Nhiễm sắc thể | Số câu | 4 |  | 2 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Điểm | 1,0 |  | 0,5 |  |  |  |  |  |  | 1,5 |
| 4. ADN và gen | Số câu | 2 |  | 4 |  | 4 |  | 2 |  | 12 |  |
| Điểm | 0,5 |  | 1,0 |  | 1,0 |  | 0,5 |  |  | 3 |
| 5. Biến dị, ứng dụng DT... | Số câu | 10 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 16 |  |
| Điểm | 2,5 |  | 0,5 |  | 0,5 |  | 0,5 |  |  | 4 |
| **Tổng số** | Số câu | 20 |  | 10 |  | 6 |  | 4 |  | 40 |  |
| Điểm | 5 |  | 2,5 |  | 1,5 |  | 1,0 |  |  | 10 |

|  |  |
| --- | --- |
|  **UBND HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS TRUNG MẦU** **Đề 01** | **ĐỀ KIỂM TRA MÔN SINH HỌC 9****NĂM HỌC 2019-2020**Thời gian làm bài : 60 phút |

**Câu 1:****Trong cơ thể người, ngoài hệ thần kinh và hệ nội tiết thì hệ cơ quan nào có mối liên hệ trực tiếp với các hệ cơ quan còn lại?**

A.Hệ tiêu hóa B. Hệ bài tiết C. Hệ tuần hoàn D. Hệ hô hấp

**Câu 2. Chức năng của tế bào nón là:**

A. Tiếp nhận kích thích ánh sáng mạnh và màu sắc B. Điều tiết ánh sáng

C. Tiếp nhận màu sắc và ánh sáng yếu D. Bảo vệ cầu mắt

**Câu 3: Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ tế bào vào máu?**

A. Khí nito B. Khí cacbonic C. Khí oxi D.Khí hidro

**Câu 4: Cảm giác nóng lạnh trên da là do hoạt động chức năng của thành phần nào mang lại?**

A.Thụ quan B.Mạch máu C.Tuyến mồ hôi D. Cơ co chân lông

**Câu 5:  Các qui luật di truyền của menden là kết quả nghiên cứu trên đối tượng nào sau đây?**

A. Ruồi giấm B. Tằm C. Đậu Hà Lan D.Cải củ

**Câu 6 : Phép lai nào dưới đây cho kết quả lai không đồng tính ?.**

A. Aa x AA B. Aa x AA C. Aa x Aa D. aa x aa

**Câu 7 : Trẻ đồng sinh cùng trứng khác trẻ đồng sinh khác trứng ở điểm nào?**

A. Trẻ đồng sinh cùng trứng hoàn toàn giống nhau về kiểu hình

B. Trẻ đồng sinh cùng trứng có cùng một kiểu gen và cùng giới tính

C. Trẻ đồng sinh khác trứng có kiểu gen khác nhau nên có thể khác giới tính D. Cả B và C

**Câu 8 : NST của sinh vật nhân thực được cấu tạo từ những thành phần nào dưới đây?**

A. ADN và Protein B. Axit amin C. Nucleotit D. ADN

**Câu 9 : Dạng đột biến cấu trúc NST nào sau đây gây ra hậu quả lớn?**

A.Lặp đoạn NST B.Đảo đoạn NST C.Mất đoạn NST D.Cả A và B

**Câu 10. Bệnh bạch tạng do một gen lặn qui định . Một cặp vợ chồng có màu da bình thường và đều có kiểu gen dị hợp thì tỉ lệ phần trăm con của họ mắc bệnh bạch tạng là :**

 A.25% B. 50% C. 75% D.100%

**Câu 11. Đột biến thể đa bội là dạng đột biến**

A. Bộ nhiễm sắc thể bị thừa một vài nhiễm sắc thể

B. Bộ nhiễm sắc thể tăng lên theo bội số của n nhưng phải  2n

C. Bộ nhiễm sắc thể tăng lên theo bội số của n nhưng phải > 2n

D. Bộ nhiễm sắc thể bị thiếu một vài nhiễm sắc thể

**Câu 12. Nguyên nhân xuất hiện biến dị tổ hợp là do**

A. sự xuất hiện các kiểu hình khác với bố mẹ

B. sự kết hợp tính trạng này của bố với tính trạng kia của mẹ

C. sự di truyền độc lập của các tính trạng

D. sự tương tác giữa kiểu gen và điều kiện môi trường

**Câu 13: Nguyên nhân gây ra thường biến là :**

A. Do ảnh hưởng trực tiếp của điều kiện môi trường

B. Sự biến đổi trong kiểu gen của cơ thể .

C. Cơ thể phản ứng quá mức với môi trường

D. Tương tác qua lại giữa kiểu gen với môi trường .

**Câu 14. Bộ nhiễm sắc thể của người bị bệnh bạch tạng là :**

A..2n= 44 B. 2n =45 C. 2n = 46 D. 2n = 47

**Câu 15:****Nguyên nhân gây ra đột biến gen là gì?**

A.Do con người tạo ra bằng các tác nhân vật lí và hóa học

B.Do rối loạn quá trình tự sao chép AND dưới tác động của môi trường

C.Do cạnh tranh giữa cá thể đực và cái trong loài. D.Cả A và B

**Câu 16: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống “ Đột biến thêm hoặc mất …………ở một cặp NST nào đó có thể xảy ra ở người , động vật, thực vật”**

A.đoạn NST B.một NST C.một cặp NST D.một gen

**Câu 17 : Loại biến dị nào không di truyền qua sinh sản hữu tính:**

A. Biến dị tổ hợp B. Đột biến gen

C. Đột biến nhiễm sắc thể D. Thường biến

**Câu 18 : Các biện pháp hạn chế sự phát sinh bệnh, tật di truyền là:**

A. Sử dụng thuốc trừ cỏ, trừ sâu và một số chất độc khác theo đúng quy trình.

B. Tích cực phòng chống ô nhiễm môi trường

C. Khi có bệnh tật di truyền thì không nên sinh con. D. Cả A,B,C

**Câu 19: Những dạng nào thuộc thể đa bội chẵn ?**

A.Dạng 2n-1 B.Dạng 3n C.Dạng 8n D. Cả A,B,C

**Câu 20. Loại biến dị nào có nhiều khả năng xảy ra qua sinh sản hữu tính?**

A. Biến dị tổ hợp B. Đột biến gen

C. Đột biến nhiễm sắc thể D. Thường biến

**Câu 21 : Một hội chứng ung thư máu ở người là biểu hiện của một dạng đột biến NST. Đó là dạng đột biến cấu trúc NST nào dưới đây ?**

A . Mất đoạn B . Lặp đoạn C . Đảo đoạn D. Chuyển đoạn

**Câu 22 : Người bị bệnh Đao có bộ nhiễm sắc thể**

A . 2n – 1 B . 2n + 1 C . 2n + 2 D . 2n – 2

**Câu 23:** **Quan sát một đoạn gen trước và sau đột biến và cho biết đột biến thuộc dạng đột biến nào?**

Trước :……… A T X G X A A X G T T T A G…….

 ……….T A G X G T T G X A A A T X…….

Sau : ………. A t x g a a x g t t t a g………

 ………..T A G X T T G X A A AT X……..

A. Thêm cặp nuclêotit B. Thay cặp nuclêôtit

C. Mất cặp nuclêôtit D. Đảo vị trí cặp Nu

**Câu 24:** **Biến dị di truyền bao gồm :**

A. Biến dị tổ hợp, đột biến , thường biến

B. Đột biến gen, thường biến, đột biến nhiễm sắc thể

C. Đột biến gen , đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể D. Đột biến , biến dị tổ hợp

**Câu 25:** **Phát biểu nào sau đây về thường biến là không đúng:**

A. Là các biến dị đồng loạt theo cùng một hướng.

B. Thường biến là những biến đổi tương ứng ở điều kiện sống.

C. Thường biến có lợi, trung tính, hoặc có hại.

D. Thường xảy ra đối với một nhóm cá thể sống trong cùng một điều kiện giống nhau.

**Câu 26:** **Ghép các loại biến dị với tính chất tương ứng :**

|  |  |
| --- | --- |
|   **Biến dị**  |   **Tính chất** |
| 1.Biến dị tổ hợp | a.Khi xuất hiện là biểu hiện ngay ra kiểu hình |
| 2.Thường biến | c.Biến đổi kiểu hình nhưng cấu trúc gen không đổi |
| 3.Đột biến gen | d.Xảy ra đồng loạt theo chiều hướng chung |
| 4.Đột biến nhiễm sắc thể | e.Thường ở trạng thái lặn |

A.1c ,2d,3a,4e. B.1a,2c,3e,4d. C.1c,2d,3e,4a D.1e,2a,3d,4c.

**Câu 27:** **Một gen có số nucleotit loại G =300, số liên kết hidro của gen là 3000. Chiều dài của gen là:**

A. 4080 A0 B. 4590 A0 C. 5000 A0 D. 5150 A0

**Câu 28 :** **Đơn phân cấu tạo nên ADN là :**

A. Nuclêotit B. Bazơnitơ C. Axit amin D. Đêôxy ribôzơ

**Câu 29: Một gen có tổng số 1800N, trong đó loại A1 = 300, X2 = 150, G2 = 200.**

**Số nucleotit loại A2 là:**

A.150 B. 250 C. 300 D. 350

C**âu 30: Phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh cho phép :**

A. Phát hiện trường hợp bệnh lí do đột biến gen và đột biến nhiễm sắc thể

B. Xác định mức độ tác động của môi trường lên sự hình thành các tính chất của cơ thể

C. Xác định vai trò của di truyền trong sự phát triển các tính trạng

D. Cả B và C

**Câu 31: Trong quá trình tổng hợp phân tử ARN, các nucleotit nội bào khớp với mạch khuôn ADN theo nguyên tắc bổ sung**

A. A với T và G với X. B. A liên kết với U, G liên kết với X.

C. A với G và T với X D. A liên kết với X và G liên kết với T.

**Câu 32 : Câu phát biểu nào sau đây về ADN là sai :**

A. Chứa thông tin di truyền B. Có khả năng tự nhân đôi

C. Có khả năng bị đột biến D. Là vật chất di truyền ở mức độ tế bào.

**Câu 33: Điền vào chỗ trống :“ Ở kỳ sau của nguyên phân: …(1)… trong từng nhiễm sắc thể kép tách nhau ra ở tâm động dàn thành hai nhóm …(2)… tương đương, mỗi nhóm trượt về 1 cực của tế bào”.**

A. (1) : 4 crômatit ; (2) : nhiễm sắc thể.

B. (1) : 2 nhiễm sắc thể con ; (2) : 2 crômatit.

C**.** (1) : 2 crômatit ; (2) : nhiễm sắc thể đơn.

D. (1) : 2 nhiễm sắc thể đơn ; (2) : crômatit

**Câu 34: Một đoạn phân tử ADN gồm 5 gen dài bằng nhau , mỗi gen có 20% nucleotit loại A và 30% nucleotit loại G thì tỉ lệ A / G của đoạn ADN này là**

 A .2/3 B. 1/1 C.1/5 D. 3/2

**Câu 35: Cơ chế xác định giới tính ở các loài sinh vật đơn tính ?**

A. Do con đực quyết định B. Do con cái quyết định

C. Tùy thuộc giới nào là giới dị giao tử D. Cả A, B, C

**Câu 36 : Vật chất di truyền ở cấp độ phân tử là**

A. NST B. ARN C. ADN D. Axit nucleic

**Câu 37: Điều nào sau đây nói về ARN là sai?**

A. Có khối lượng, kích thước lớn hơn AND

B. Cấu tạo theo nguyên tắc đa phân

C. Chỉ có cấu tạo 1 mạch đơn

D.Các đơn phân liên kết với nhau bằng liên kết photpho đieste

**Câu 38: Những người có quan hệ huyết thống trong vòng mấy đời thì không được kết hôn với nhau?**

A. 3 đời B. 4 đời C. 5 đời D. 6 đời

**Câu 39: Ở lứa tuổi nào sau đây phụ nữ không nên sinh con?**

A. 24 B. 28 C. 30 D. Trên 34

**Câu 40: Mất đoạn NST thường gây nên hậu quả**

A. gây chết hoặc làm giảm sức sống. B. tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

C. không ảnh hưởng gì đến đời sống sinh vật. D. có thể chết khi còn hợp tử.

|  |  |
| --- | --- |
|  **UBND HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS TRUNG MẦU** **Đề 02** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN SINH HỌC 9****NĂM HỌC 2019-2020**Thời gian làm bài : 60 phút |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Các mức độ cần đánh giá** | **Tổng số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** **cơ bản** | **Vận dụng****ở mức cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1.** Sinh học 8 | Số câu | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 |  |
| Điểm | 0,5 |  | 0,5 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |
| 2. Sinh vật và môi trường | Số câu | 4 |  | 2 |  | 2 |  |  |  | 8 |  |
| Điểm | 1,0 |  | 0,5 |  | 0,5 |  |  |  |  | 2,0 |
| 3. Hệ sinh thái | Số câu | 6 |  | 4 |  |  |  | 2 |  | 12 |  |
| Điểm | 1,5 |  | 1,0 |  |  |  | 0,5 |  |  | 3,0 |
| 4. Con người, dân số... | Số câu | 4 |  | 2 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Điểm | 1 |  | 0,5 |  |  |  | 0,5 |  |  | 1,5 |
| 5. Bảo vệ môi trường | Số câu | 4 |  |  |  | 4 |  | 2 |  | 10 |  |
| Điểm | 1,0 |  |  |  | 1,0 |  | 0,5 |  |  | 2,5 |
| **Tổng số** | Số câu | 20 |  | 10 |  | 6 |  | 4 |  | 40 |  |
| Điểm | 5 |  | 2,5 |  | 1,5 |  | 1,0 |  |  | 10 |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS TRUNG MẦU****Đề 02** | **ĐỀ KIỂM TRA MÔN SINH HỌC 9****NĂM HỌC 2019-2020**Thời gian làm bài : 60 phút |

***Câu 1: Độ đa dạng của quần xã sinh vật được thể hiện ở:***

A.Mật độ của các nhóm cá thể trong quần xã

B. Mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã

C. Sự khác nhau về lứa tuổi của các cá thể trong quần xã

D. Biến động về mật độ cá thể trong quần xã

***Câu 2: Hoạt động nào có chu kì mùa?***

A. Dời tổ tìm mồi lúc chiều tối B. Hoa mười giờ nở vào khoảng giữa buổi sáng

C. Hoa phù dung sớm nở tối tàn D. Chim én di cư về phương Nam

***Câu 3: Biện pháp phát triển dân số một cách hợp lí có hiệu quả như thế nào đối với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?***

A.Tăng nguồn nước B. Giảm áp lực sử dụng tài nguyên thiên nhiên quá mức

C. Tăng diện tích trồng trọt D. Tăng nguồn tài nguyên khoáng sản

***Câu 4: Hoạt động dưới đây của cây xanh chịu ảnh hưởng nhiều bởi ánh sáng?***

 A. Hô hấp B.Quang hợp C. Hút nước D. Cả 3 hoạt động trên

***Câu 5: Trong chăn nuôi, để tận dụng ưu thế lai, người ta dùng phép lai:***

A. Giao phối cận huyết B. Lai kinh tế

C. Lai phân tích D. Giao phối ngẫu nhiên

***Câu 6: Thí dụ dưới đây biểu hiện quan hệ đối địch là:***

A.Tảo và nấm sống với nhau tạo thành địa y

B.Vi khuẩn sống trong nốt sần của rễ cây họ đậu

C.Cáo đuổi bắt gà

D. Sự tranh ăn cỏ của các con bò trên đồng cỏ.

***Câu 7: Thoái hoá giống dẫn đến thế hệ sau có biểu hiện:***

A.Sức sống kém dần B. Sinh trưởng và phát triển chậm, chống chịu kém

C. Nhiều tính trạng xấu, có hại bộc lộ D. Tất cả các biểu hiện nói trên

***Câu 8: Hiện tượng khống chế sinh học có thể xảy ra giữa các quần thể nào sau đây:***

A. Quần thể ếch đồng và quần thể chim sẻ

B. Quần thể chim sẻ và quần thể chim chào mào

C. Quần thể gà và quần thể châu chấu

D. Quần thể cá chép và quần thể cá rô.

***Câu 9:Nhóm động vật nào dưới đây thuộc động vật biến nhiệt:***

A. Ruồi giấm, ếch, cá B. Bò, dơi, bồ câu

C. Chuột, thỏ, ếch D. Rắn, thằn lằn, voi

 ***Câu 10: Sinh vật nào sau đây luôn luôn là mắt xích chung trong các chuỗi thức ăn?***

A. Cây xanh và động vật B. Cây xanh và sinh vật tiêu thụ

C. Động vật, vi khuẩn và nấm D. Cây xanh, vi khuẩn và nấm

***Câu 11: Đặc điểm sau đây không được xem là điểm đặc trưng của quần thể là:***

A.Tỉ lệ giới tính của các cá thể trong quần thể

B. Thời gian hình thành của quần thể

C.Thành phần nhóm tuổi của các cá thể D. Mật độ của quần thể

***Câu 12: Da người có thể là môi trường sống của:***

A. Giun đũa kí sinh B. Chấy, rận, nấm

C. Sâu D. Thực vật bậc thấp

***Câu 13: Loại cây nào sau đây là cây ưa bóng?***

A. Cây xương rồng B. Cây phượng vĩ

C. Cây me đất D. Cây dưa chuột

***Câu 14: Các cá thể trong quần thể được phân chia làm các nhóm tuổi là:***

A. Ấu trùng, giai đoạn sinh trưởng và trưởng thành B.Trẻ, trưởng thành và già

C. Trước sinh sản, sinh sản và sau sinh sản D.Trước giao phối và sau giao phối

***Câu 15: Một quần thể chuột đồng có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau***:

-Nhóm tuổi trước sinh sản: 44 con/ha

-Nhóm tuổi sinh sản: 43 con

-Nhóm tuổi sau sinh sản: 15 con

Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này đang ở dạng nào?

A. Dạng ổn định B. Dạng phát triển

C. Dạng giảm sút D. Vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển

***Câu 16: Những cây sống ở vùng nhiệt đới, để hạn chế sự thoát hơi nước khi nhiệt độ không khí cao, lá có đặc điểm thích nghi nào sau đây?***

A. Bề mặt lá có tầng cutin dầy B. Số lượng lỗ khí của lá tăng lên

C. Lá tổng hợp chất diệp lục tạo màu xanh cho nó

D. Lá tăng kích thước và có bản rộng ra

***Câu 17: Điều sau đây không nên làm là:***

A.Sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên tự nhiên

B.Bảo vệ nguồn tài nguyên rừng và động vật hoang dại

C.Kiểm soát và giảm thiểu các nguồn chất thải gây ô nhiễm

D. Phá rừng làm nương rẫy

***Câu 18: Xã hội loài người đã trải qua các giai đoạn phát triển, lần lượt theo thứ tự:***

A. Thời kì nguyên thuỷ, xã hội nông nghiệp, xã hội công nghiệp

B. Xã hội nông nghiệp, thời kì nguyên thuỷ, xã hội công nghiệp

C. Thời kì nguyên thuỷ, xã hội công nghiệp, xã hội nông nghiệp

D. Xã hội công nghiệp, xã hội nông nghiệp, thời kì nguyên thuỷ,

***Câu 19:*** Luật Bảo vệ môi trường qui định: *Cần quy hoạch bãi rác thải, nghiêm cấm đổ chất thải độc hại ra môi trường* có tác dụng gì ?

A. Chất thải được thu gom lại đúng chỗ và được xử lí, không gây ô nhiễm môi trường

B. Chất thải được tái chế ngay

C. Khai thác tài nguyên khoáng sản có kế hoạch

D. Khai thác tài nguyên biển có kế hoạch

***Câu 20: Độ nhiều của quần xã thể hiện ở:***

A.Khả năng sinh sản của các cá thể trong một quần thể nào đó tăng lên

B. Tỉ lệ tử vong của một quần thể nào đó giảm xuống

C. Mật độ các cá thể của từng quần thể trong quần xã

D. Cả A, B, C

***Câu 21: Tác nhân chủ yếu gây ra ô nhiễm môi trường là:***

A. Do các loài sinh vật trong quần xã sinh vật tạo ra

B. Các điều kiện bất thường của ngoại cảnh, lũ lụt, thiên tai

C. Tác động của con người

D. Sự thay đổi của khí hậu

***Câu 22:* *Sinh vật tiêu thụ bao gồm:***

A. Vi khuẩn, nấm và động vật ăn cỏ B. Động vật ăn cỏ và động vật ăn thịt

C. Động vật ăn thịt và cây xanh D.Vi khuẩn và cây xanh

***Câu 23: Các khí thải trong không khí chủ yếu có nguồn gốc từ:***

A. Hoạt động hô hấp của động vật và con người

B. Quá trình đốt cháy các nhiên liệu

C. Hoạt động quang hợp của cây xanh

D. Quá trình phân giải xác hữu cơ của vi khuẩn

***Câu 24:Yêú tố hoặc hoạt động nào sau đây là tác nhân làm môi trường ô nhiễm các chất phóng xạ?***

A. Chất thải từ công trường khai thác chất phóng xạ

B. Những vụ thử vũ khí hạt nhân

C. Chất thải của nhà máy điện nguyên tử

D. Cả A, B, C đều đúng

***Câu 25: Yếu tố nào sau đây không phải là các tác nhân hoá học gây ô nhiễm môi trường?***

A. Lạm dụng thuốc diệt cỏ trong bảo vệ cây trồng

B. Dùng quá nhiều thuốc trừ sâu so với nhu cầu cần thiét trên đồng ruộng

C. Các khí thải từ các nhà máy công nghiệp

D. Các tiếng ồn quá mức do xe cộ và các phương tiện giao thông khác

***Câu 26: Ô nhiễm môi trường dẫn đến hậu quả nào sau đây:***

A. Ảnh hưởng xấu đến quá trình sản xuất

B. Sự suy giảm sức khoẻ và mức sống của con người

C. Sự tổn thất nguồn tài nguyên dữ trữ

D. Cả A, B, C đều đúng

***Câu 27: Nguồn gốc gây ra sự ô nhiễm sinh học môi trường sống là do:***

A. Các khí thải do quá trình đốt cháy nhiên liệu

B. Các chất thải từ sinh vật như phân, xác chết, rác bệnh viện

C. Các vụ thử vũ khí hạt nhân

D. Các bao bì bằng nhựa, cao su thải ra môi trường

***Câu 28: Trồng cây gây rừng có tác dụng gì?***

 A. Phục hồi “lá phổi xanh của Trái đất” đã bị tàn phá, chống hạn hán

 B. Phục hồi chỗ ở cho nhiều loài sinh vật

 C. Phục hồi nguồn nước ngầm, chống xói mòn và thoái hoá đất

 D. Cả A, B và C

***Câu 29: Chọn câu đúng trong các câu sau:***

A. Nhiều hoạt động của con người đã tác động đến môi trường tự nhiên, gây ô nhiễm và làm suy thoái môi trường

B. Thảm thực vật bị phá huỷ cũng không ảnh hưởng gì đến khí hậu

C. Nhiều hoạt động của động vật có hại đối với môi trường tự nhiên

D. Việc săn bắt động vật hoang dã hiện nay không ảnh hưởng đến số lượng loài sinh vật trong tự nhiên và không làm mất cân bằng sinh thái

***Câu 30: Chọn từ phù hợp trong số những từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:*** “ Có nhiều nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động của……gây ra”.

A. động vật B. thực vật C. con người D. vi sinh vật

***Câu 31: Mưa axit là hậu quả việc sử dụng loại năng lượng:***

A. Từ hạt nhân B. Từ ánh sáng mặt trời

C. Từ dầu khí, than đá D. Từ nước, thuỷ triều

***Câu 32: Tài nguyên nào sau đây thuộc tài nguyên tái sinh?***

A. Tài nguyên đất và tài nguyên sinh vật B. Tài nguyên năng lượng vĩnh cửu

C. Than và tài nguyên nước D. Bức xạ mặt trời và tài nguyên sinh vật

***Câu 33: Đối với động vật hoang dã, luật bảo vệ môi trường qui định:***

A.Không săn bắt động vật non B. Nghiêm cấm đánh bắt

C. Vừa đánh bắt, vừa nuôi phục hồi D. Chỉ được săn bắt thú lớn

***Câu 34: Để bảo vệ thiên nhiên hoang dã, cần ngăn chặn hoạt động nào dưới đây?***

A. Săn bắt thú hoang dã, quí hiếm

B. Xây dựng các khu bảo tồn, rừng đầu nguồn

C. Trồng cây, gây rừng để tạo môi trường sống cho động vật hoang dã

D. Bảo vệ rừng già, rừng đầu nguồn

***Câu 35: Để góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên, cần phải xoá bỏ hành vi nào sau đây?***

A. Chăm sóc và bảo vệ cây trồng B. Du canh, du cư

C. Xử lí rác thải và không ném rác bừa bãi ra môi trường

D. Tham gia vận động người xung quanh giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên

***Câu 36: Để vừa khai thác nguồn tài nguyên biển, vừa bảo vệ môi trường biển và phục hồi tài nguyên này, cần phải:***

A. Khai thác hợp lí kết hợp với cải tạo, phục hồi và nuôi bổ sung

B. Đánh bắt hải sản bằng chất nổ

C. Tăng cường đánh bắt ở ven bờ

D. Dùng hoá chất hoặc xung điện để đánh bắt hải sản

***Câu 37: Trong ống tiêu hóa của con người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng thuộc về bộ phận nào?***

 A. Dạ dày B. Ruột non C. Ruột già D. Thực quản

***Câu 38: Đồng hóa xảy ra quá trình nào dưới đây?***

A. Giải phóng năng lượng

B. Tổng hợp chất hữu cơ đơn giản từ những chất hữu cơ phức tạp

C. Tích lũy năng lượng

D. Phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ đơn giản.

***Câu 39: Nhóm nào dưới đây gồm hai loại hooc môn có tác dụng sinh lí trái ngược nhau?***

A.Insulin và canxitoxin B. Ooxxitoxin và tiroxin

C. Insulin và glucagon D. Insulin và tiroxin

***Câu 40: Ở cơ quan sinh dục nam, bộ phận nào là nơi sản xuất tinh trùng?***

A.Ống dẫn tinh B. Túi tinh C. Tinh hoàn D. Mào tinh

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS TRUNG MẦU** |  **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA MÔN SINH HỌC 9** **NĂM HỌC 2019-2020** |

Mỗi câu đúng = 0,25 điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Câu** | **Đề 01** | **Đề 02** |
| **1** | **C** | **B** |
| **2** | **A** | **D** |
| **3** | **B** | **B** |
| **4** | **A** | **B** |
| **5** | **D** | **B** |
| **6** | **C** | **C** |
| **7** | **B** | **D** |
| **8** | **A** | **C** |
| **9** | **C** | **A** |
| **10** | **A** | **D** |
| **11** | **C** | **B** |
| **12** | **C** | **B** |
| **13** | **A** | **C** |
| **14** | **C** | **C** |
| **15** | **D** | **A** |
| **16** | **B** | **A** |
| **17** | **D** | **D** |
| **18** | **D** | **A** |
| **19** | **C** | **A** |
| **20** | **A** | **C** |
| **21** | **A** | **C** |
| **22** | **B** | **B** |
| **23** | **C** | **B** |
| **24** | **D** | **D** |
| **25** | **D** | **D** |
| **26** | **C** | **D** |
| **27** | **B** | **B** |
| **28** | **A** | **D** |
| **29** | **B** | **A** |
| **30** | **D** | **C** |
| **31** | **B** | **B** |
| **32** | **D** | **A** |
| **33** | **D** | **B** |
| **34** | **A** | **A** |
| **35** | **C** | **B** |
| **36** | **C** | **A** |
| **37** | **A** | **B** |
| **38** | **B** | **C** |
| **39** | **D** | **C** |
| **40** | **A** | **C** |